

Số: /QĐ-UBND

Sơn Động, ngày tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 – 2030 (tỷ lệ: 1/10.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành “Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn”;

Căn cứ Quyết định 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND xã Phúc Sơn tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 20/12/2021, Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 55/BC-KT&HT ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2030 (tỷ lệ: 1/10.000), với các nội dung chính như sau:

1. Thông tin chung về đồ án.

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2030 (tỷ lệ: 1/10.000).
- Chủ đầu tư: UBND xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch xây dựng Bắc Giang.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

- Vị trí: Xã Phúc Sơn là xã được thành lập trên cơ sở sát nhập giữa xã Phúc Thắng và xã Thạch Sơn theo “Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Bắc Giang”, cách trung tâm huyện Sơn Động khoảng 20 km về phía Bắc huyện Sơn Động.

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ xã Phúc Sơn, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp Trường bản Quốc gia khu vực I;
- + Phía Nam giáp xã Giáo Liêm và xã Vĩnh An;
- + Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn và xã Vân Sơn;
- + Phía Tây giáp xã Đại Sơn và xã Giáo Liêm.
- Quy mô lập quy hoạch: có tổng diện tích: 3.939,26 ha.

3. Tính chất: Là trung tâm kinh tế - văn hóa, du lịch sinh thái, nông- lâm nghiệp quan trọng của huyện;

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2019	Tỷ lệ %	năm 2025		năm 2030	
					Tăng (+) giảm (-)	Diện tích năm 2025	Tăng (+) giảm (-)	Diện tích năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính		3,939.26			3,939.26		3,939.26
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,754.56	95.31	-119.69	3,624.87	-265.50	3,369.37
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	711.03	18.05	-25.92	685.11	-5.50	679.61
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	152.79	4.07	-12.86	139.93	-5.00	134.43
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	90.49	2.41	-12.40	78.09	-5.00	73.09
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	62.30	1.66	-0.46	61.84	-0.50	61.34
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	558.24	14.87	-13.06	545.18		
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	3,041.17	77.20	-93.77	2,947.40	-260.00	2,687.40

1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	3,041.17	77.20	-93.77	2,947.40	-290.50	2,651.90
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.36	0.06		2.36		
1.4	Đất làm muối	LMU						
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	166.46	4.23	17.73	190.72		190.72
2.1	Đất ở	OCT	32.96	0.84	3.50	36.46		36.46
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	32.96	0.84	3.50	36.46		36.46
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT						
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	62.87	1.60	10.73	80.13		80.13
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1.02	0.03	-0.37	0.65		0.65
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	1.50	0.04	10.00	11.50		11.50
2.2.3	Đất an ninh	CAN			0.15	0.15		0.15
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4.28	0.11	0.95	5.23		5.23
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK					30,5	30,5
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	56.08	1.42	6.53	62.61		62.61
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.08	0.00		0.08		0.08
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	3.96	0.10	3.50	7.46		7.46
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	65.35	1.66		65.35		65.35
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.25	0.03		1.25		1.25
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	CSD	18.23	0.46	-0.56	17.67		17.67
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	10.11	0.26	-0.56	9.55		9.55
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	8.13	0.21		8.13		8.13

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông

Đối với đường giao thông khi xây dựng tuyến mới hoặc mở rộng, cải tạo cần phải đầm, nén chặt và chú ý đến các công trình ngầm trên tuyến. Các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo đúng quy trình, quy phạm.

Tuyến đường liên xã kết nối tuyến đường quốc lộ 31 đi về thị trấn An Châu: Chính trang, tu bổ mặt đường, mặt hè trong giai đoạn đầu đảm bảo mỹ quan và chất lượng đường, tăng cường quản lý hành lang đường bộ dài hạn, mở rộng mặt cắt quy mô 17,5m bao gồm: chiều rộng lòng đường 7,5m, vỉa hè rộng 5mx2.

Quy hoạch mới tuyến đường từ thôn Đồng Cao đi xã Giáo Liêm với chiều rộng lòng đường 7,5m, vỉa hè rộng 5mx2.

Tuyến đường liên thôn: Chính trang, tu bổ mặt đường, mặt hè trong giai đoạn đầu đảm bảo mỹ quan và chất lượng đường, tăng cường quản lý

hành lang đường bộ dài hạn, mở rộng mặt cắt quy mô 15m bao gồm: chiều rộng lòng đường 5m, vỉa hè rộng 5m x 2.

Quy hoạch mới tuyến đường từ thôn Đồng Mương đi thôn Đồng Băm với chiều rộng lòng đường 5m, vỉa hè rộng 5mx2.

Tuyến đường trục thôn: Chính trang, tu bổ mặt đường, trong giai đoạn đầu đảm bảo mỹ quan và chất lượng đường, tăng cường quản lý hành lang đường bộ dài hạn, mở rộng mặt cắt quy mô từ 5.5m bao gồm: chiều rộng lòng đường từ 4.5m, vỉa hè rộng 0.5mx2.

5.2. San nền

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen cấy bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hoà với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực và công trình bên cạnh.

- Đối với các công trình công cộng, công trình văn hoá và di tích lịch sử khi có điều kiện cải tạo, phục hồi cần chú ý đến khả năng tiêu thoát nước mặt.

5.3. Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

Hướng thoát:

Từ khu vực dân cư tại các thôn nước mưa và nước thải tự chảy theo các hướng Bắc xuống Nam hoặc Đông Bắc xuống Tây Nam. Cụ thể như sau:

Nước thải từ bể tự hoại các gia đình được thu gom và xử lý cục bộ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung toàn xã.

5.4. Cấp nước

Nguồn nước cấp cho địa bàn xã được lấy từ nguồn nước ở sông Thác Cơ, giếng khoan và nước khe suối.

+ Giai đoạn 2025: Xây dựng mới nhà máy nước, khai thác nước ngầm, khe suối và nước của sông Thác Cơ công suất 773m³ /ngđ, diện tích 0,5ha.

+ Giai đoạn 2030: Nâng công suất nhà máy nước từ 773m³/ngđ lên 875m³ /ngđ.

5.5. Cấp điện

Nguồn điện cung cấp do nguồn điện của lưới điện quốc gia từ trạm 110KV Lục Ngạn công suất 1x25MVA.

Lưới hạ áp 0,4 KV: xây dựng mới toàn bộ đến tận các hộ dân. Lưới 0,4 KV đi nổi, tổ chức mạng hình tia, dùng cáp có bọc cách điện (ABC) tiết diện

120-50mm², bắt nổi trên cột điện bê tông ly tâm.

5.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

*** Thoát nước thải**

- Đối với các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh theo hình thức tự thấm, xí dội nước và xí 2 ngăn hợp vệ sinh.

- Nước thải sinh hoạt, chủ yếu thải ra từ các nhà dân, nhà vệ sinh công cộng, sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

*** Quản lý chất thải rắn**

Giai đoạn (2021-2025) 0,6 kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 75%. Tổng lượng rác thải: 1,378 tấn/ngày = 137,88 tấn/năm.

Giai đoạn (2025-2030) 0,7 kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 80%. Tổng lượng rác thải: 1,785tấn/ngày = 178,57 tấn/năm.

Toàn xã trang bị xe đẩy tay thu gom và vận chuyển CTR và thùng đựng CTR.

*** Nghĩa trang:**

- Quy hoạch 4 nghĩa trang tại các thôn: thôn Thước với quy mô 1,5ha, 2 điểm thôn Đồng Mương diện tích 1ha và 1,6ha, thôn Đồng Băm quy mô 1ha.

- Các nghĩa trang được phân khu cát táng 2m²/người, hung táng 5m²/người, nghĩa trang có đường vào, có nơi làm lễ tưởng niệm, có người quản lý theo nghị định 35/2008/ND-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng xã Phúc Sơn cần đảm bảo hạn chế tối đa các tác động làm ảnh hưởng đến đời sống về vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường và phải làm thúc đẩy kinh tế toàn huyện Sơn Động phát triển

7. Xác định dự án ưu tiên đầu tư.

+ Giai đoạn 2021 – 2025:

- Xây dựng khu chăn nuôi tập trung với quy mô 10ha.

- Xây dựng mới sân thể thao trung tâm xã với quy mô 1,5ha.

- Xây dựng khuôn viên cảnh quan trung tâm với quy mô 1ha.

- Xây dựng nhà văn hóa với quy mô 0,3ha.

- Xây dựng khu chăn nuôi tập trung với quy mô 5ha.

- Xây dựng khu dân cư mới bám theo trục đường liên xã với quy mô 1ha.

- Xây dựng mới tuyến đường từ thôn Đồng Cao đi sang xã Giáo Liêm.

+ Giai đoạn 2025 – 2030:

- Xây dựng mới khu trồng cây dược liệu với quy mô 70ha tại thôn Non Tá.

- Xây dựng mới khu trồng cây dược liệu với quy mô 20ha tại thôn Đồng Băm.

Điều 2. UBND xã Phúc Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước, UBND xã Phúc Sơn và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện.
- LĐVP, CVTH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Thắng